

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2019
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Quốc Quân

2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Xóm 1, tiểu khu 15, X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Trọng T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Xóm 1, tiểu khu 15, X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. (Hiện đang cai nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La) Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày như sau:

Chị và anh Đoàn Trọng T kết hôn với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã X1. Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại tiểu khu 15, X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian là 1 năm thì nảy sinh ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện chất ma túy, mặc dù đã được gia đình động viên đi cai nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La hai lần nhưng sau đó anh T lại tái nghiện. Chị H đã cố gắng động viên anh T cai nghiện để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh T không sửa chữa. Anh T mỗi lần sử dụng ma túy xong thường có những biểu hiện không kiểm soát được bản thân. Anh thường xuyên đe dọa, đánh chửi chị. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018. Khi chị gửi đơn ra Tòa, anh T đã đến tận trường học của chị, cầm dao đe dọa, tìm chị gây ảnh hưởng đến an ninh của trường. Nhà trường đã phải mời công an xã đến để giải quyết. Chị nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa. Nếu tiếp tục thì có thể sẽ ảnh hưởng đến công việc, cuộc sống của chị. Thậm chí đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của cả chị và con chị. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đoàn Khánh L, sinh ngày 9/12/2007. Nguyên vọng của chị là mong muốn được chăm sóc nuôi dưỡng cháu L đến tuổi trưởng thành. Anh T đang trong thời gian cai nghiện tại trung tâm không có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Chị H nhận thấy chị đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu L tốt nhất và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2019, bị đơn anh Đoàn Trọng T trình bày như sau:

Về quá trình kết hôn anh T trình bày thống nhất với lời khai của chị H. Anh chị tự nguyện kết hôn, có đi đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Theo anh, hai vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 7 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có sử dụng trái phép chất ma túy và đã phải đi cai nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La hai lần, sau khi đi cai về anh lại tiếp tục tái nghiện dẫn đến chị H không còn tin tưởng anh như trước, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù chị H có đơn xin ly hôn đối với anh gửi ra Tòa án nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn, nguyên vọng muốn được hết thời gian cai nghiện tại trung tâm sẽ quay về đoàn tụ với chị H. Tuy nhiên nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Nguyên vọng của anh nếu phải ly hôn thì sau khi hết thời gian cai nghiện tại trung tâm, anh mong muốn được nuôi con chung là cháu Đoàn Khánh L và không yêu cầu chị H trợ cấp nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ như lấy lời khai của đương sự, lấy lời khai của cháu Đoàn Khánh L về nguyện vọng được ở với ai khi bố mẹ ly hôn; xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh T, chị H tại chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú.

Anh Đoàn Trọng T đang trong thời gian chữa trị tự nguyện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La thời hạn 12 tháng kể từ ngày 25/02/2019. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã trực tiếp tới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La để lấy lời khai của anh T, anh T có yêu cầu đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt, không đề nghị tòa án tiến hành hòa giải. Chị H cũng có yêu cầu không đề nghị tòa án tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H đối với anh Đoàn Trọng T. Về con chung: Giao cháu Đoàn Khánh L, sinh ngày 09/12/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là được ly hôn với anh Đoàn Trọng T. Chị H và anh T đều có Hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Xóm 1, tiểu khu 14, X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn

thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Trọng T đang trong thời gian chữa trị tự nguyện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành lấy lời khai của anh T tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La theo đúng quy định của pháp luật. Anh T đã đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Do vậy, tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xét xử, do anh T đã có ý kiến đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Đoàn Trọng T và chị Phạm Thị Thu H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2007, anh chị đã được UBND xã X1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/5/2007. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian là 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T nghiện ma túy, sau khi được gia đình động viên đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La hai lần nhưng khi hết thời gian điều trị anh T trở về địa phương tiếp tục tái nghiện. Chị H đã nhiều lần cho anh T cơ hội sửa chữa nhưng anh T không thay đổi. Anh chị thường xuyên cãi vã, xô xát, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương đã xác định: Anh T, chị H có mâu thuẫn với nhau là do anh T nghiện chất ma túy, tuy đã được gia đình động viên đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La hai lần nhưng vẫn tiếp tục tái nghiện, hiện đang trong thời gian chữa trị nghiện ma túy tại Cơ sở lần thứ 3. Mâu thuẫn diễn ra kéo dài, anh chị thường xuyên sảy ra cãi vã, xô xát ảnh hưởng đến trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đoàn Khánh L, sinh ngày 9/12/2007. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy: Anh T là đối tượng nghiện ma túy, hiện đang chữa trị tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Chị H có việc làm, thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc cháu L. Cháu L đã được 11 tuổi, tại biên bản ghi ý kiến của con chung ngày 07/3/2019, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ. Tại phiên tòa, chị H cũng xác định hiện cháu L đang ở với mẹ và chị nhận nuôi dưỡng, giáo dục cháu L trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T trợ cấp nuôi con chung cùng chị. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi của

con chung chưa thành niên, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T, chị H đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Đoàn Trọng T.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Khánh L, sinh ngày 09/12/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002110 ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã X1;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phạm Thị Thanh Nga**